

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-3-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Kim Hoàng

2. Bà Võ Thanh Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 428/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/02/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà PTO, sinh năm 1984 “Vắng mặt”

2. *Bị đơn:* Ông NMT, sinh năm 1978 “Vắng mặt”

Cùng địa chỉ: 122/27/119 TĐ, Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà PTO trình bày:

Bà và ông NMT chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2010). Chúng tôi sống hạnh phúc với nhau cho đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ. Chúng tôi sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải được nên tôi yêu cầu ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, chúng tôi có 02 con chung tên NHH, sinh ngày 22/11/2017 và NPTS, sinh ngày 14/4/2020; tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Hiện tại, tôi đang sinh sống và cư trú cùng các con và ông T tại địa chỉ 122/27/119 TĐ, Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi đang làm việc tại Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Tân Tiến với chức danh chuyên môn: Nhân viên-P.Bán. Hợp đồng lao động của tôi là loại hợp đồng không thời hạn từ ngày 01/01/2010, tổng thu nhập trung bình hàng tháng của tôi (bao gồm tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng) là 13.500.000 đồng.

Chúng tôi có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS 04454 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/6/2016).

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Tôi tự thỏa thuận với ông T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông NMT trình bày:

Tôi và bà O chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2010). Vợ chồng sống không hợp nhau nên với yêu cầu ly hôn của bà O thì tôi đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, chúng tôi có 02 con chung tên NHH, sinh ngày 22/11/2017 và NPTS, sinh ngày 14/4/2020; tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung NHH và đồng ý giao con chung NPTS cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con tự thỏa thuận.

Hiện tại, tôi ở nhà trông con, không đi làm cách đây khoảng 03 năm. Tôi có tài sản chung với bà O là quyền sử dụng đất tại xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS 04454 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/6/2016); số tiết kiệm 40 triệu đồng, kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Techcombank và 01 chiếc xe Honda SH 150I, chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 078107 làm phương tiện đi lại. Ngoài ra tôi không còn nguồn thu nhập nào khác.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Tôi tự thỏa thuận với bà O nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Bà PTO được ly hôn với ông NMT. Về con chung: Giao cả 02 con

chung tên NHH, sinh ngày 22/11/2017 và NPTS, sinh ngày 14/4/2020 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con các bên tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các bên tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy việc bà PTO khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình. Do ông NMT đang cư trú tại Quận 4 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự nhận thấy:

Bà PTO và ông NMT tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2010). Do đó, hôn nhân của bà O và ông T là hợp pháp.

Bà O và ông T sống hạnh phúc với nhau cho đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ. Bà O yêu cầu ly hôn và ông T cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ vào xác minh tại địa phương thì bà O và ông T tuy sống chung nhà nhưng không nói chuyện với nhau, nguyên nhân do ông T thất nghiệp, bà O là người lao động chính trong gia đình, do điều kiện kinh tế nên vợ chồng hay mâu thuẫn, cãi nhau, bà O có nặng lời, xúc phạm ông T nên ông T có đánh bà O. Từ những nội dung trên, xét thấy mâu thuẫn giữa bà O và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Bà O và ông T xác nhận có 02 con chung tên NHH, sinh ngày 22/11/2017 và NPTS, sinh ngày 14/4/2020. Hiện nay, bà O ông T đang sinh sống cùng 02 con chung tại địa chỉ 122/27/119 TĐ, Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà O đang làm việc tại Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Tân Tiến với chức danh chuyên môn: Nhân viên-P.Bán. Hợp đồng lao động của tôi là loại hợp đồng không thời hạn từ ngày 01/01/2010, tổng thu nhập trung bình hàng tháng của tôi (bao gồm tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng) là 13.500.000 đồng. Ông T thì ở nhà trông con, không đi làm cách đây khoảng 03 năm, không có thu nhập ổn định hàng tháng. Căn cứ vào xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn xảy ra là do ông T thất nghiệp, không có việc làm, ở nhà trông con khoảng 03 năm nay, không có thu nhập gì, bà O là người lao động chính kiếm tiền. Việc cấp dưỡng cho con, ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà O, giao cả 02 con chung tên NHH, sinh ngày 22/11/2017 và NPTS, sinh ngày 14/4/2020 cho bà O trực tiếp nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng cho con do các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà O và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về quan hệ tài sản chung và nghĩa vụ chung giữa bà Oanh và ông T.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bà Oanh phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà PTO được ly hôn với ông NMT (Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2010).

- Về con chung: Bà O và ông T xác nhận có 02 con chung tên NHH, sinh ngày 22/11/2017 và NPTS, sinh ngày 14/4/2020; Giao cả hai con chung cho bà O trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng cho con ông bà tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng ông T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà O và ông T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà PTO phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà O đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0035920 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà O đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình